

**DỰ TOÁN THU, CHI**  
**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**  
(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày 16/ 07/2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Vĩnh Hậu)

| STT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                    | DỰ TOÁN<br>NĂM     |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1          | 2                                                                                                                                                           | 3                  |
| <b>A</b>   | <b>TỔNG SỐ THU CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ</b>                                                                                                           |                    |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                                                                                   |                    |
| 1          | Lệ phí                                                                                                                                                      |                    |
| 2          | Phí                                                                                                                                                         |                    |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                                                                                                     |                    |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp .....</b>                                                                                                                                  |                    |
| a          | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                           |                    |
| b          | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                     |                    |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                                                                               |                    |
| a          | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                                       |                    |
| b          | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                                 |                    |
| <b>III</b> | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>                                                                                 |                    |
| 1          | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                                                              |                    |
| -          | Lệ phí                                                                                                                                                      |                    |
| 2          | Phí                                                                                                                                                         |                    |
| <b>B</b>   | <b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>                                                                                                                       |                    |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                                                                                                           |                    |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính hoạt động quốc phòng - Loại 010 - Khoản 011</b>                                                                                   | <b>710,000,000</b> |
| <b>1.1</b> | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                                            |                    |
| <b>1.2</b> | Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ (nguồn 12)                                                                                                           | 710,000,000        |
| -          | Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ huấn luyện lực lượng dân quân thường trực, tại chỗ và cơ động theo Đề án 150/ĐA-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh An Giang | 710,000,000        |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>                                                                                 |                    |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                                                              |                    |
| -          | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ                                                                     |                    |
| -          | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ                                                               |                    |
| 2.2        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                           |                    |
| 2.3        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                     |                    |
| -          | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo                                                                                                               |                    |
| -          | Nhiệm vụ chuyển đổi số                                                                                                                                      |                    |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                                                                                                                      |                    |
| 3.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                           |                    |
| 3.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                     |                    |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                                                                                               |                    |
| 4.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                           |                    |
| 4.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                     |                    |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                                                                                                   |                    |

|           |                                                                             |  |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|--|
| 5.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |  |
| 5.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |  |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |  |
| 6.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |  |
| 6.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |  |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |  |
| 7.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |  |
| 7.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |  |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin</b>                                     |  |
| 8.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |  |
| 8.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |  |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |  |
| 9.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |  |
| 9.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |  |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục, thể thao</b>                                      |  |
| 10.1      | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |  |
| 10.2      | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |  |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                                   |  |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |  |
| 1.1       | Dự án A                                                                     |  |
| 1.2       | Dự án B                                                                     |  |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |  |
| 2.1       | Dự án A                                                                     |  |
| 2.2       | Dự án B                                                                     |  |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                                      |  |
| 3.1       | Dự án A                                                                     |  |
| 3.2       | Dự án B                                                                     |  |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                               |  |
| 4.1       | Dự án A                                                                     |  |
| 4.2       | Dự án B                                                                     |  |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                   |  |
| 5.1       | Dự án A                                                                     |  |
| 5.2       | Dự án B                                                                     |  |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |  |
| 6.1       | Dự án A                                                                     |  |
| 6.2       | Dự án B                                                                     |  |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |  |
| 7.1       | Dự án A                                                                     |  |
| 7.2       | Dự án B                                                                     |  |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin</b>                                     |  |
| 8.1       | Dự án A                                                                     |  |
| 8.2       | Dự án B                                                                     |  |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |  |
| 9.1       | Dự án A                                                                     |  |
| 9.2       | Dự án B                                                                     |  |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục, thể thao</b>                                      |  |
| 10.1      | Dự án A                                                                     |  |
| 10.2      | Dự án B                                                                     |  |

|            |                                                                             |  |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------|--|
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                                              |  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |  |
| 1.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 1.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |  |
| 2.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 2.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                                      |  |
| 3.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 3.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                               |  |
| 4.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 4.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                   |  |
| 5.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 5.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |  |
| 6.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 6.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |  |
| 7.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 7.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin</b>                                     |  |
| 8.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 8.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |  |
| 9.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 9.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục, thể thao</b>                                      |  |
| 10.1       | Dự án A                                                                     |  |
| 10.2       | Dự án B                                                                     |  |